TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2024/HS-ST
Ngày 16 - 8 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Việt Hưng.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Đỗ Thị Thu Hà và bà vũ Thị Dinh.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2024/TLST - HS ngày 23 tháng 7 năm 2024; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ tên: **Lê Thành T** sinh ngày 16 tháng 12 năm 1984; giới tính: nam; tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Lê Anh D, sinh năm 1955, con bà Vũ Thị N, sinh năm 1954. Vợ Phạm Thị N1, sinh năm 1984 và vợ 2 Phạm Thị Thanh V, sinh năm 1982 (Đều đã ly hôn). Bị cáo có 04 con: con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2024 đến ngày 27/4/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa.

** Người chứng kiến:*

1. Ông Đặng Quang T1 sinh năm 1960.
2. Ông Lê Trung T2 sinh năm 1960.

Đều trú tại: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 21/4/2024, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phối hợp Công an xã T làm nhiệm vụ tuần tra tại khu vực đường T, xã T, huyện T phát hiện Lê Thành T đang dừng xe mô tô

biển kiểm soát 17B6-016.30 bên đường có biểu hiện nghi vấn, tổ công tác đã yêu cầu T dừng lại để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương và những người chứng kiến là ông Đặng Quang T1, sinh năm 1960 và ông Lê Trung T2, sinh năm 1960 đều trú tại thôn A, xã T, T đã tự giác lấy từ trong túi quần bên trái phía trước T đang mặc ra giao nộp cho lực lượng chức năng 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt. T khai nhận đây là ma đá của T mua của một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ ở khu vực chân cầu V, xã T với giá 1.000.000 đồng để sử dụng dần cho bản thân, trên đường về nhà thì bị tổ công tác phát hiện. Kiểm tra túi quần bên phải phía trước T đang mặc có 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen đã cũ. Kiểm tra xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen biểm kiểm soát 17B6-016.30 không phát hiện thu giữ gì. Tổ công tác đã đưa T và mời những người chứng kiến về trụ sở Công an xã Thụy Dân để làm việc và lập biên bản phạm tội quả tang. Cùng ngày tổ công tác đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T nhưng không thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 549/KL - KTHS ngày 25/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: "Mẫu vật gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine, có khối lượng 0,5185 gam (không phẩy năm nghìn một trăm tám mươi lăm gam).

Bản cáo trạng số 102/CT-VKSTT ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy thực hiện quyền công tố, giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Thành T như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thành T phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy"

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thành T từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21 tháng 4 năm 2024. Không áp dụng phạt tiền đối với bị cáo.

***** Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý theo quy định của pháp luật.

***** Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến và tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Lê Thành T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận đã khai nhận hồi 15 giờ ngày 21/4/2024, tại trục đường thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, Lê Thành T có hành vi tàng trữ trái phép tại túi quần bên trái phía trước đang mặc 01 gói ma túy, loại Methamphetamin có khối lượng 0,5185 gam, mục đích để sử dụng, bị Phòng Cảnh sát tội phạm về ma túy Công an tỉnh T bắt quả tang. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T lập hồi 15 giờ 40 phút ngày 21/4/2024. Biên bản niêm phong đồ vật do Công an tỉnh T lập hồi 10 giờ 50 phút ngày 21/4/2024. Bản kết luận giám định số 549/KL - KTHS ngày 25/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh T. Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến ông Đặng Quang T1 và ông Lê Trung T2 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Điều 249.Tội tàng trữ trái phép chất ma túy - Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam."

Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thành T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, phá vỡ hạnh phúc gia đình, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; bố mẹ đẻ của bị cáo có thời gian tham gia thanh niên xung phong nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".*

Xét bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, bị cáo không có thu nhập nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về nguồn gốc số ma túy Lê Thành T khai mua ma tuý của một người nam giới không biết tên tuổi, địa chỉ ở khu vực chân cầu V thuộc xã T, huyện T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không có căn cứ để xác minh xử lý.

[8]. Về xử lý vật chứng:

[8.1]. Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Lê Thành T 0,5185 gam ma túy, loại Methamphetamin sau khi lấy mẫu giám định còn 0,4246 gam và toàn bộ bao gói thu giữ của Lê Thành T trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 549/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T là vật chứng của vụ án. Áp dụng Điều 47 Bộ luật HìnhĐiều 106 Bộ luật Tốtụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[8.2]. Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Lê Thành T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen đã cũ bị cáo không sử dụng vào hành vi phạm tội, 01 xe mô tô Honda Wave S, biển kiểm soát 17B6- 016.30 thu của Lê Thành T tiền bố bị cáo cho mua dùng làm phương tiện đi lại nên trả lại tài sản trên cho bị cáo là phù hợp.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thành T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 106, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1 Xử phạt bị cáo Lê Thành T 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 21 tháng 4 năm 2024.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của bị cáo loại Methamphetamine khối lượng 0,5185 gam ma túy, loại Methamphetamin sau

khi lấy mẫu giám định còn 0,4246 gam và toàn bộ bao gói thu giữ của Lê Thành T trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 549/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T.

Trả lại bị cáo Lê Thành T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen đã cũ, 01 xe mô tô Honda Wave S, biển kiểm soát 17B6- 016.30.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện T, tỉnh Thái Bình và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ngày 22 tháng 7 năm 2024).

3. Về án phí: Bị cáo Lê Thành T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Thành T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16 tháng 8 năm 2024.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Việt Hưng